TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 117/2019/DS-PT
Ngày 23 – 9 – 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.
Các Thẩm phán: Bà Trương Tố Hương.
Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Anh Thảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2019/TLPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019, về "tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST, ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 176/2019/QĐ-PT ngày 15/8/2019, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T (SR), sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp M1, thị trấn P, huyện T2, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

-*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn*: Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp M2, thị trấn P, huyện T2, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 05.10.2018) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

-*Bị đơn*: Bà Lâm Bạch Y, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp M2, thị trấn P, huyện T2, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

-*Người đại diện hợp pháp cho bị đơn*: Ông Nguyễn Khánh T, sinh năm 1976. Địa chỉ: đường P, khóm B, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 11/5/2018) (có mặt).

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp M1, thị trấn P, huyện T2, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bà Lâm Ngọc H, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp M2, thị trấn P, huyện T2, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

-Người đại diện hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T, bà Lâm Ngọc H: Ông Nguyễn Khánh T, sinh năm 1976. Địa chỉ: đường P, khóm B, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 11/5/2018 và ngày 10/7/2018) (có mặt).

3. Ủy ban nhân dân huyện T2, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: ấp A, thị trấn P, huyện T2, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn U. Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T2, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

-Người kháng cáo: bị đơn bà Lâm Bạch Y; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và bà Lâm Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T là bà Phạm Ngọc N trình bày:

Vào năm 1984, nguyên đơn nhận ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng phần đất ngang 08m x chiều dài 10,5m, tờ bản đồ số 08, thửa 24 (nằm trước thửa 686), tọa lạc ấp M1, thị trấn P, huyện T2, tỉnh S của ông Mai Văn C và bà Nguyễn Thị T. Sau đó ông mở quán bán cà phê, năm 2000 phần đất này bị thu hồi diện tích 34m^2 để mở rộng quốc lộ A, năm 2004 ông đã nhận tiền bồi thường, còn lại khoảng 41,3m^2. Đến năm 2008 bà Nguyễn Thị T lợi dụng việc giải tỏa để chuyển nhượng cho bà Lâm Bạch Y, sau đó bà Y đã tráng sân lấn qua ngang 5,5m và dài 5,6m, đồng thời xây gạch xung quanh lên khoản 5 tất. Từ đó đến nay đã 07 năm, ông không sử dụng được đất này, trước đó ông cho thuê mỗi tháng là 500.000 đồng, từ khi bà Y chiếm ông không cho thuê được.

Nay ông T yêu cầu bà Y, bà T trả lại đất lấn chiếm theo số đo thực tế đã được thẩm định tại chỗ là 32,5m^2, theo hồ sơ bồi hoàn giải phóng mặt bằng năm 2004 là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 08, ấp M1, thị trấn P, huyện T2, tỉnh Sóc Trăng, đồng thời yêu cầu phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất và bồi thường tiền hoa lợi vì không cho thuê được đất là 500.000đồng/tháng kể từ năm 2008 đến nay số tiền là 42.000.000 đồng.

2. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lâm Bạch Y và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và bà Lâm Ngọc H là ông Nguyễn Khánh T trình bày:

Bà Lâm Ngọc H và Ủy ban nhân dân huyện T2 không có liên quan đến phần đất tranh chấp và việc giải quyết vụ án cũng không có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà H cũng nhưng liên quan đến Ủy ban, nên đề nghị không đưa bà H và Ủy ban nhân dân huyện T2 vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà Y và bà T không có sử dụng phần đất tranh chấp, đây là đất hành lang an toàn giao thông đường bộ và đây là tuyến đường Quốc lộ A nên theo quy định của pháp luật thì đất do Bộ Giao thông vận tải quản lý. Đồng thời, trước phần đất của bà H là một con rạch và con rạch này vẫn còn thể hiện ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H được cấp. Phần đất tranh chấp không có

nằm trong giấy chứng nhận của bà H được cấp, tuy nhiên đây là đất an toàn giao thông đường bộ nên khi ông T đến xây dựng thì bà T và bà Y thể hiện quyền công dân đứng ra ngăn cản không cho xây cất gì. Ông T không chứng minh được phần đất này của ông, vì ông không được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn phần đất ông chuyển nhượng theo giấy tờ cung cấp là nền nhà và Nhà nước thu hồi cũng đã hết phần đất của ông T nhận chuyển nhượng. Phần đất còn lại là con rạch nên ông T không được Nhà nước bồi thường sau khi bị thu hồi.

Do đây là đất hành lang an toàn giao thông đường bộ trường hợp Nhà nước không sử dụng có thể tạm giao cho người sử dụng hợp pháp, nghĩa là được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, phía sau đất tranh chấp là thửa 686 trước đây của ông K và bà T chuyển nhượng cho bà Lâm Ngọc H nên việc nguyên đơn yêu cầu trả đất, bồi thường tiền thì bà Y, bà T không có liên quan nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

3. Tại các văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị: Công văn số 316/UBND-VP ngày 07/5/2018 thì nguồn gốc đất tranh chấp trên bản đồ thể hiện trước đây là con rạch nằm cặp tuyến Quốc lộ 1A, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Công văn số 610/UBND-VP ngày 01/10/2018; Công văn số 744/UBND-VP ngày 20/11/2018; Công văn số 110/UBND-VP ngày 06/3/2019 trả lời cho Tòa án phần đất trên chấp nêu trên là đất hành lang an toàn giao thông đường bộ.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST, ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 6, 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 203 Luật Đất đai, Điều 166 Bộ luật Dân sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T.

Buộc bị đơn bà Lâm Bạch Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phần diện tích đất theo đo đạc thực tế 32,4 m^2 thuộc thửa 24, tờ bản đồ 08, tọa lạc ấp M1, thị trấn P, huyện T2, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông: Giáp đất bà Hồ Thị P có số đo 6,2 m;
- Hướng Tây: Giáp lối đi công cộng có số đo 5,9 m;
- Hướng Nam: Giáp phần còn lại của hàng lang lộ giới có số đo 5,45 m;
- Hướng Bắc: Giáp phần đất đã bồi thường vào năm 2004 có số đo 5,25 m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Nguyên đơn Nguyễn Văn T được tạm sử dụng phần đất trên, không được xây dựng hoặc trồng các cây lâu năm trên đất. Khi nào Nhà nước cần sử dụng

ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm giao lại theo các qui định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai hiện hành.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bị đơn Lâm Bạch Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T bồi thường thiệt hại 42.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 03/7/2019 bị đơn bà Lâm Bạch Y, người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và bà Lâm Ngọc H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và hủy một phần bản án sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị về phần tuyên tạm giao cho ông Nguyễn Văn T diện tích 32,4m^2 đất hành lang an toàn giao thông đường bộ. Với lý do: Phần đất tranh chấp là đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ thuộc quyền quản lý của Bộ giao thông vận tải cấp sơ thẩm chưa hỏi ý kiến của Bộ Giao thông vận tải; phần đất tranh chấp trước đây là con rạch cũ, sau này được lấp làm vỉa hè nên không có cơ sở xác định phần đất này thuộc quyền quản lý hợp pháp của ông Nguyễn Văn T; sau khi được bồi thường hỗ trợ di dời để mở rộng quốc lộ A thì từ năm 2002 phần đất này được sử dụng làm hành lang an toàn giao thông đường bộ ông Nguyễn Văn T không còn quản lý, sử dụng cho đến nay; cấp sơ thẩm buộc các bà Y, T giao trả phần đất này cho ông T trong khi các bà không có quản lý sử dụng phần đất này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp cho bị đơn bà Lâm Bạch Y và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, bà Lâm Ngọc H không rút lại đơn kháng cáo, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lâm Bạch Y, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và bà Lâm Ngọc H, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn bà Lâm Bạch Y, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và bà Lâm Ngọc H là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Nội dung vụ án: nguyên đơn ông T yêu cầu bà Y, bà T trả lại phần đất đã lấn chiếm với diện tích 32,4 m^2 và bồi thường số tiền 42.000.000đ với lý do ông đã chuyển nhượng từ ông Mai Văn C, được giải tỏa đền bù nên phần đất còn lại là của ông. Phía bà Y, bà T lại cho rằng phần đất tranh chấp là đất công cộng, nằm trong hành lang lộ giới, ông T không có tài liệu nào chứng minh. Nguyên nhân xảy ra tranh chấp là do bà T, bà Y trán sân lấn qua phần đất của ông T và xây gạch xung quanh lên khoảng 05 tấc nên xảy ra tranh chấp. Sự việc đã được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông T, buộc bà Y, bà T giao trả cho ông T diện tích đất 32,4 m^2. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Y, bà T, bà H kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu của ông T và hủy án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Lâm Bạch Y, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên bà Nguyễn Thị T, Lâm Ngọc H thì thấy ngày 09/4/1984 ông T có nhận chuyển nhượng nền nhà từ ông Mai Văn C với diện tích ngang 4m, dài 10m (bút lục 05) và theo Công văn số 316/UBND-VP ngày 07/5/2018 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T2 cho biết nguồn gốc đất tranh chấp trên bản đồ thể hiện trước đây là con rạch nằm cặp tuyến Quốc lộ 1A, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại các Công văn số 610/UBND-VP ngày 01/10/2018; Công văn số 744/UBND-VP ngày 20/11/2018; Công văn số 110/UBND-VP ngày 06/3/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T2 trả lời cho Tòa án phần đất tranh chấp nêu trên hiện là đất hành lang an toàn giao thông đường bộ. Nhưng, qua xác minh đã thể hiện là sau khi nhận chuyển nhượng, ông T có sử dụng phần đất đang tranh chấp (bút lục 103-105) cũng như theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất (bút lục 17), Biên bản kiểm kê tổng hợp ngày 06/8/2002 (bút lục 12-16), Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất (bút lục 18) đã thể hiện khi giải tỏa Quốc lộ 1A thửa đất do ông T đang sử dụng trong đó giải tỏa đền bù là 34,3m^2, đất ngoài giải phóng mặt bằng là 41,3m^2 và trong quá trình sử dụng ông T có công sức lấp rạch, không ai ngăn cản. Ngược lại, bà Y, bà T, bà H không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của các bà, tại biên bản hòa giải cơ sở ngày 23/11/2017 bà Y khai: "Bà chuyển nhượng thửa đất vào năm 2005 và sử dụng làm lò sấy và để lúa từ thời điểm đó đến nay. Nhưng hiện nay ông T yêu cầu và tôi đồng ý hỗ trợ cho ông T 10.000.000đ"; Tại phiên tòa sơ thẩm (bút lục 299) người đại diện hợp pháp của bà H, bà T, bà Y trình bày: phần đất tranh chấp "do bà Y cuốn nền" và vẫn còn hàng gạch do bà T xây dựng, đồng thời, mỗi khi ông T sử dụng thì bà Y, bà T ngăn cản, vì thế việc ông Khánh T cho rằng bà T, bà Y không sử dụng phần đất tranh chấp nêu trên là không có căn cứ. Do đó, án sơ thẩm đã tuyên buộc các bà Y, T có trách nhiệm hoàn trả cho ông T phần đất đang tranh chấp là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên kháng cáo của các bà Y, T, H là không có cơ sở, không được chấp nhận.

[4] Tuy nhiên, án sơ thẩm tuyên buộc các bà Y, T trả đất đang tranh chấp cho ông T mà không ràng buộc gì về hạn chế quyền đối với phần đất này là chưa phù hợp với Điều 157 Luật Đất đai, Điều 43 Luật Giao thông đường bộ vì phần đất này nằm trong hành lang an toàn giao thông. Do đó, cần điều chỉnh lại cách

tuyên theo hướng tạm giao cho ông T tiếp tục quản lý, sử dụng, việc sử dụng của ông T phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

[5] Lời đề nghị của vị Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bà Yến, Trinh, Hoa phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lâm Bạch Y và kháng cáo của người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, bà Lâm Ngọc H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST, ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 6, 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 203 Luật Đất đai, Điều 166 Bộ luật Dân sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Buộc bị đơn bà Lâm Bạch Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T giao lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng phần diện tích đất theo đo đạc thực tế 32,4 m^2 thuộc thửa 24, tờ bản đồ 08, tọa lạc ấp M1, thị trấn P, huyện T2, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông: Giáp đất bà Hồ Thị P có số đo 6,2m;
- Hướng Tây: Giáp lối đi công cộng có số đo 5,9m;
- Hướng Nam: Giáp phần còn lại của hàng lang lộ giới có số đo 5,45m;
- Hướng Bắc: Giáp phần đất đã bồi thường vào năm 2004 có số đo 5,2m.

Tạm giao cho ông Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng phần đất này. Việc quản lý, sử dụng phần đất này của ông Nguyễn Văn T phải được xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai ở địa phương theo quy định pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bị đơn Lâm Bạch Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T bồi thường thiệt hại 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Chi phí thẩm định, định giá: Bị đơn bà Lâm Bạch Y và người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T liên đới phải chịu là 3.227.000 đồng (ba triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn đồng). Do nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đã

tạm ứng nên buộc bị đơn bà Lâm Bạch Y và người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 3.227.000 đồng (ba triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn đồng). Ông T được nhận số tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá còn dư là 8.000 đồng (tám ngàn đồng) tại Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị.

Án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn ông Nguyễn Văn T được miễn do nguyên đơn là người cao tuổi. Bị đơn bà Lâm Bạch Y và người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T liên đới phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

2. Án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Lâm Bạch Y và người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, bà Lâm Ngọc H phải chịu mỗi người 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng theo các Biên lai thu tiền số số 0008239, số 0008240, 0008241 cùng ngày 03/7/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Các bà Y, T, H đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THA.DS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tăng Thị Thúy Nga